TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2024/DSPT;
Ngày: 20-5-2024
V/v tranh chấp hủy di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: *" Hủy di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 932/2023/QĐXX-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Quốc V, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 225 Tổ 11, ấp 1, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Dương Mỹ L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 79 ấp H, xã M, thành phố M, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thành B, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 181 Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị T K, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 181 khu phố N, phường M, thành phố M, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Quốc C, sinh năm 1996;

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Cùng ngụ: Số 422 Ấp 1, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Lê Thuỵ Cẩm T1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số 79 ấp H, xã M, thành phố M, Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 42/9 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Lê Thuỵ Cẩm T1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số 79 ấp H, xã M, thành phố M, Tiền Giang.

4. Đinh Thị H (1960 - 2023)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

4.1 Nguyễn Thành B , sinh năm 1952;

4.2 Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986;

4.3 Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1988;

4.4 Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1991;

Cùng ngụ: Số 181 Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang.

5. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986;

6. Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1988;

7. Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1991;

Cùng ngụ: Số 181 Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang.

8. Đoàn Thảo N1, sinh năm 2018;

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1988 và Đoàn Minh Hoàng, sinh năm 1986.

9. Trần Anh T3, sinh năm 2019;

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị T K, sinh năm 1991 và Trần Lê Văn, sinh năm 1988.

10. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1931;

Địa chỉ: 304 Bis, L, Phường N, thành phố M, Tiền Giang.

11. Nguyễn Chấn L, sinh năm 1963;

12. Nguyễn Thị P, sinh năm 1948;

13. Nguyễn Thị N3, sinh năm 1966;

14. Nguyễn Thị T5, sinh năm 1944;

Cùng ngụ: ấp P, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

15. Nguyễn Thị B, sinh năm 1934;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thành B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Cụ nội ông Nguyễn Quốc V là cụ Nguyễn Văn S (X) sinh năm 1918 mất năm 1998 và cụ Trương Thị T6 (sinh năm 1921) mất năm 2002. Khi còn sống, ông bà nội ông V có tạo lập được tài sản là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 29, diện tích 3066.5m^2; thửa đất tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngày 15/02/1997, cụ S được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228QSDĐ/UB. Trên đất, cụ S và cụ T6 có xây dựng căn nhà tạm diện tích khoảng 100m^2; kết cấu nhà: vách tường, mái tole, nền gạch. Ông B cùng vợ là bà Đinh Thị H sinh sống và quản lý căn nhà này.

Khi qua đời, cụ S và cụ T6 không có để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ T6 gồm: ông Nguyễn Thành B (con ruột, là bị đơn) và Nguyễn Thành V (con ruột chết năm 1982, chết trước cụ S và cụ T6). Ông Vân có hàng thừa kế thế vị gồm: Ông Nguyễn Quốc V và Nguyễn Quốc D (đã chết năm 2016, không để lại di chúc). Ông Nguyễn Quốc D có hàng thừa kế thứ nhất là mẹ ruột ông V là bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1948), vợ ông D là bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1976) và con D là Nguyễn Quốc C (sinh năm 1996). Ngoài ra, cha mẹ của cụ S và cụ T6 đều đã qua đời trước năm 1975, cụ T6 và cụ S cũng không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

Sau khi 02 cụ qua đời, ông V và con của ông Nguyễn Quốc D là anh Nguyễn Quốc C có yêu cầu Ông B chia di sản thừa kế đối với phần di sản của hai cụ chết để lại và xin nhận kỷ phần thừa kế mà lẽ ra ông Nguyễn Thành V được hưởng trong khối tài sản của cụ S, cụ T6 chết để lại nhưng Ông B không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông V yêu cầu:

- Xác định thửa đất số 113, tờ bản đồ số 867, diện tích 3066.6m^2, qua đo đạc thực tế có diện tích 2937.7m^2 tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trương Thị T6 chết để lại.

- Tuyên bố di chúc do cụ Trương Thị T6 lập ngày 28/3/1998 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực số 265/UB ngày 07/4/1998 là vô hiệu.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 867, diện tích 3066.5m^2, qua đo đạc thực tế có diện tích

2937.7m^2; thửa đất tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể:

+ Ông V yêu cầu được nhận phần đất ký hiệu là S1 có diện tích 532.9m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom.

+ Phần đất ký hiệu S4 có diện tích 177.5m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom làm đường đi nội bộ của ông V, Ông B, ông C và bà N.

+ Phần khu mộ có diện tích là 688.4m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom và căn nhà trên đất, ông V không có tranh chấp, tiếp tục giao cho Ông B quản lý. Cây trồng trên phần đất S1, ông V đồng ý cùng liên đới với Bà T, anh C và bà N hoàn giá trị lại cho Ông B.

- *Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:* Ông Nguyễn Thành B thống nhất với nội dung trình bày của đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Quốc V về các nội dung sau:

- Cụ Nguyễn Văn S (sinh năm 2018) chết năm 1998. Cụ Trương Thị T6 (sinh năm 1921) chết năm 2002.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ T6 gồm có: Ông B và ông Nguyễn Thành V (là liệt sĩ đã hy sinh). Cha mẹ của cụ S và cụ T6 đã chết trước hai cụ.

- Ông Nguyễn Thành V (hy sinh năm 1967) có vợ là bà Nguyễn Thị N, có hai là Nguyễn Quốc V và ông Nguyễn Văn Dũng. Ông Nguyễn Văn Dũng (chết vào năm 2016) có vợ là bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc C.

- Trong thời gian chung sống, cụ S và cụ T6 có tạo lập được thửa đất số 113, tờ bản đồ số 867, diện tích 3340m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228QSDĐ/UB do Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho cụ Nguyễn Văn S đứng tên quyền sử dụng đất, thửa đất toạ lạc tại ấp 4, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

Ông B không thống nhất với nội dung trình bày của đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Quốc V về các nội dung sau:

- Căn nhà gắn liền với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 867 là tài sản của Ông B, không phải là di sản do cụ S và cụ T6 chết để lại.

- Ngày 28/3/1998, cụ T6 đã lập tờ di chúc để lại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 867 cho Ông B được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Tờ di lúc được Uỷ ban nhân dân xã T công chứng, chứng thực ngày 07/4/1998.

- Ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông Vân mất được vài tháng thì bà N

sinh đôi hai con là Nguyễn Quốc V và Nguyễn Văn Dũng, sinh xong bà N giao con cho cha mẹ tôi chăm sóc, còn bà N lập gia đình mới.

Sau khi cụ S và cụ T6 mất, Ông B đã làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế. Ngày 25/7/2003, Ông B được Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03783QSDĐ/598/21.7.03/QĐ.UB cho ông Nguyễn Thành B đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 113, diện tích 3066.5m^2; phần đất toạ lạc ấp 4, xã T (nay là Khu phố N, Phường M). Hiện tại phần đất và căn nhà trên đất do Ông B và vợ Ông B là Đinh Thị H quản lý, sử dụng. Hiện tại hộ gia đình Ông B gồm Ông B, bà H cùng 03 người con và 02 đứa cháu ngoại đang sinh sống trên phần đất.

Nay đối với yêu cầu của ông V và người liên quan, Ông B không đồng ý vì di sản của cụ T6 và cụ S đã lập di chúc để lại cho Ông B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc C là chị Lê Thụy Cẩm Thúy trình bày: Chị Thúy thống nhất với nội dung trình bày đại diện ủy của ông V. Ông Nguyễn Quốc D chết năm 2016 là con của ông Nguyễn Thành V. Bà T là vợ ông D, anh C là con ông D.

Nay Bà T và anh C yêu cầu được nhận phần đất ký hiệu là S3 có diện tích 355.3m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom. Phần đất ký hiệu S4 có diện tích 177.5m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom làm đường đi nội bộ của ông V, Ông B, ông C và bà N. Phần khu mộ có diện tích là 688.4m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom và căn nhà trên đất, Bà T và anh C không có tranh chấp, tiếp tục giao cho Ông B quản lý. Cây trồng trên phần đất S3, Bà T và anh C đồng ý liên đới với ông V và bà N hoàn giá trị lại cho Ông B.

+ Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là chị Lê Thụy Cẩm Thúy trình bày: Chị Thúy thống nhất với nội dung trình bày đại diện ủy của ông V. Ông Nguyễn Quốc D chết năm 2016 là con của ông Nguyễn Thành V. Bà N là vợ của ông D.

Nay bà N yêu cầu được nhận phần đất ký hiệu là S2 có diện tích 177.7m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom. Phần đất ký hiệu S4 có diện tích 177.5m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom làm đường đi nội bộ của ông V, Ông B, ông C và bà N. Phần khu mộ có diện tích là 688.4m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom và căn nhà trên đất, Bà T và anh C không có tranh chấp, tiếp tục giao cho Ông B quản lý. Cây trồng trên

phần đất S2, bà N đồng ý cùng liên đới với ông V, Bà T và anh C hoàn giá trị lại cho Ông B.

+ *Bà Đinh Thị H trình bày:* Bà là vợ Ông B. Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ Ông B tặng cho riêng Ông B. Nay trong vụ kiện này, bà H không có ý kiến, để Ông B toàn quyền quyết định. Do bận công việc nên bà H đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ *Chị Nguyễn Thị Kim T2, chị Nguyễn Thị T K và anh Nguyễn Thanh H cùng trình bày:* Anh chị là con của Ông B và bà H. Phần đất đang tranh chấp là của cụ S và cụ T6 – ông bà nội của anh chị. Sau khi ông bà nội mất, ông bà có di chúc để lại cho Ông B trông coi, giữ gìn phần đất này. Do bận công việc nên anh chị đề nghị Tòa án cho anh chị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Các điều 147, 227 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 640, 651, 652, 655 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V đối với ông Nguyễn Thành B.

1.1 Tuyên bố Tờ di chúc do cụ Trương Thị T6 lập ngày 28/3/1998 được Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 07/4/1998 là vô hiệu.

1.2 Xác định thửa đất số 113, tờ bản đồ số 867, diện tích 3066.5m^2 qua đo đạc thực tế có diện tích là 2937.7m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08785QSDĐ/21.07.03/QĐ.UB do Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/7/2003 cho ông Nguyễn Thành B đứng tên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn X (Sinh) và cụ Trương Thị T6 chết để lại. Thửa đất tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.3 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc C về việc giao phần đất có diện tích là 688.4m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom cho ông Nguyễn Thành B tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần đất tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp mương.

- Phía Tây giáp phần đất S4.

- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất 113.

- Phía Bắc giáp mương.

(Có sơ đồ kèm theo).

1.4 Phần đất ký hiệu S4 có diện tích 177.5m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom là đường đi nội bộ của chủ sử dụng thửa đất ký hiệu S1, S2, S3 và phần còn lại của thửa đất 113. Phần đất S4 tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất 113 và mương.

- Phía Tây giáp phần đất S1, S2, S3.

- Phía Nam giáp thửa đất 32.

- Phía Bắc giáp mương.

(Có sơ đồ kèm theo).

1.5 Chia cho ông Nguyễn Quốc V phần đất ký hiệu S1 có diện tích là 532.9m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom.

Ông Nguyễn Quốc V được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S1 có diện tích 532.9m^2; loại đất cây lâu năm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất S1. Phần đất S1 tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp phần đất S4.

- Phía Tây giáp mương.

- Phía Nam giáp phần đất S2.

- Phía Bắc giáp mương.

(Có sơ đồ kèm theo).

Phần đất ký hiệu S1 có diện tích là 532.9m^2, trị giá 1.330.118.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Thành B giá trị chênh lệch phần đất được nhận so với kỷ phần thừa kế với số tiền là 37.315.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Thành B.

Chia cho bà Nguyễn Thị N phần đất ký hiệu S2 có diện tích là 177.7m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom.

- Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S2 có diện tích 177.7m^2, loại đất cây lâu năm, theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất S2. Phần đất S2 tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất S4.

+ Phía Tây giáp mương.

+ Phía Nam giáp phần đất S3.

+ Phía Bắc phần đất S1.

(Có sơ đồ đất kèm theo).

- Phần đất ký hiệu S2 có diện tích 177.7m^2, trị giá là 443.539.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Thành B giá trị chênh lệch phần đất được nhận so với kỷ phần thừa kế với số tiền là 12.605.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc C đối với ông Nguyễn Thành B.

Chia cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quốc C phần đất ký hiệu S3 có diện tích 355.3m^2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom.

- Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quốc C được quyền sử dụng phần đất ký hiệu S3 có diện tích 355.3m^2; loại đất cây lâu năm, theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom và toàn bộ cây trồng trên phần đất S3. Phần đất S3 tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất S4.

+ Phía Tây giáp mương.

+ Phía Nam giáp phần thửa đất 32.

+ Phía Bắc giáp phần đất S2.

(Có sơ đồ đất kèm theo).

- Phần đất ký hiệu S3 có diện tích 355.3m^2, trị giá là 886.829.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Thành B giá trị chênh lệch phần đất được nhận so với kỷ phần thừa kế với số tiền là 24.960.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

4. Ông Nguyễn Thành B được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1005.9m^2 đất (trong đó có 30m^2 đất ở đô thị và 975.9m^2 đất cây lâu năm) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom. Phần đất tọa lạc tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp mương.

- Phía Tây giáp phần đất S4.

- Phía Nam giáp thửa đất 41.

- Phía Bắc giáp phần đất còn lại.

(Có sơ đồ đất kèm theo).

Giá trị phần đất ông Nguyễn Thành B được nhận là 2.510.726.000 đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc C về việc:

- Hoàn giá trị cây trồng trên phần đất ký hiệu S1, S2, S3 và S4 cho ông Nguyễn Thành B với số tiền là 49.651.000 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm năm mươi mốt ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Hỗ trợ chi phí giữ gìn, cải tạo thửa đất 113 cho ông Nguyễn Thành B với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

6. Kiến nghị Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08785QSDĐ/21.07.03/QĐ.UB do Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/7/2003 cho ông Nguyễn Thành B đứng tên.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 05 tháng 9 năm 2023, bị đơn Nguyễn Thành B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quốc V và yêu cầu độc lập của Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N. Cho bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các đương sự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn thống nhất thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của

các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành B thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Chia thừa kế, yêu cầu hủy di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo qui định tại Điều 624, 649 Bộ luật dân sự 2015 là đúng qui định.

[2] Xét tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Thành B đồng ý chia thừa kế cho ông Nguyễn Quốc V phần đất diện tích 355,3m^2. Chia cho anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T diện tích 236,8m^2; Chia cho bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích 118,4m^2, thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 867, diện tích 3.066,5m^2 tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08785 QSD Đ/21.07.03/QĐ.UB ngày 25/7/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thành B đứng tên.

2.2. Ông Nguyễn Thành B được quyền quản lý sử dụng phần đất còn lại của thửa 113, diện tích 2.086,5m^2 (gồm diện tích khu mộ 688,4m^2; đất ở 125m^2, đất trồng cây lâu năm 1.273m^2) loại đất CLN, tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang.

2.3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự thống nhất diện tích 140,7m^2 thửa 113, tờ bản đồ 867 làm đường đi nội bộ của các thửa đất chia cho ông V, anh C, Bà T và bà N và phần đất còn lại của thửa đất số 113.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N hoàn trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Thành B số tiền 29.450.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N hỗ trợ chi phí gìn giữ, cải tạo thửa đất 113 cho ông Nguyễn Thành B số tiền 50.000.000 đồng.

Xét thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thành B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Quốc V chi phí tố tụng số tiền 13.653.500 đồng.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Thành B, bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo qui định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 624, Điều 640, Điều 649, Điều 652; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 95, Điều 171, Điều 203 Luật đất đai. Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành B, công nhận sự thỏa thuận của các đường sự. Sửa bản án số 86/2023//DS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M.

[1] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

[1.1] Ông Nguyễn Thành B đồng ý chia thừa kế cho ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích 710,6m^2, thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 867, diện tích 3.066,5m^2 tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08785 QSDĐ/21.07.03/QĐ.UB ngày 25/7/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thành B đứng tên, cụ thể:

- Chia cho ông Nguyễn Quốc V phần đất diện tích 355,3m^2 (ký hiệu S1) và toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 355,3m^2, thửa 113, tờ bản đồ số 867, loại đất CLN, tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích 118,4m^2 (ký hiệu S2) và toàn bộ cây trông trên diện tích đất 118,4m^2 thuộc thửa 113, tờ bản đồ số 867, loại đất CLN, tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho anh Nguyễn Quốc Cường, bà Nguyễn Thị T phần đất diện tích 236,8m^2 và toàn bộ cây trồng trên diện tích 236,8m^2, thuộc thửa 113, tờ bản đồ số 867, loại đất CLN, tại Khu phố N, Phường M, thành phố M, Tiền Giang. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom (có sơ đồ kèm theo).

[1.2] Ông Nguyễn Thành B được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 2.086,5m^2 (gồm diện tích khu mộ 688,4m^2; đất ở 125m^2, đất trồng cây lâu năm 1.273,1m^2) thửa 113, tờ bản đồ số 867, loại đất CLN, tại Khu phố N, Phường M,

thành phố M, Tiền Giang. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom (có sơ đồ kèm theo).

[1.3] Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự thống nhất diện tích 140,7.5 (ký hiệu S4) làm đường đi nội bộ của các chủ sử dụng đất ký hiệu S1, S2, S3 và phần đất còn lại của thửa đất số 113. Theo kết quả xác nhận đo đạc hiện trạng thửa đất của công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom (có sơ đồ kèm theo).

[1.4] Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N hoàn trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Thành B số tiền 29.450.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[1.5] Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N hỗ trợ chi phí gìn giữ, cải tạo thửa đất 113 cho ông Nguyễn Thành B số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[2] Ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký đất đai theo qui định tại Điều 95 Luật đất đai để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc V chi phí tố tụng số tiền 13.653.500 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thành B được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông V tạm ứng án phí 2.800.000 đồng theo biên lai thu số 0004374 ngày 03/11/2021 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022818 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quốc C phải chịu 29.553.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 1.917.000 đồng theo biên lai thu số 0004524 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, Tiền Giang. Nên Bà T, anh C còn phải nộp tiếp số tiền 27.636.000 đồng.

** Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự,*

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệp Thúy